

LƯU LƯỢNG KẾ ORIFICE

Orifice hạn chế (orifice giảm áp)

Restriction Orifice

MODEL : DHRO-SH / DHRO-MH / DHRO-MS



DHRO-SH

DHRO-MH

DHRO-MS

Orifice hạn chế được dùng để giảm áp suất lưu chất và được thiết kế hơi khác so với tấm orifice đo lưu lượng.

Orifice hạn chế có một số kiểu như tấm có lỗ đơn, tấm nhiều lỗ với các lỗ phân tán, và orifice nhiều tầng (Multistage Orifice) hàn nhiều tấm orifice dùng cho lưu chất áp suất cao · nhiệt độ cao.

Cạnh lỗ của orifice hạn chế có thể làm cứng bề mặt bằng hàn đắp Stellite hoặc thấm nito (Nitrification).

Single / Multi Hole / Multi Stage

1/2B ~ 24B (15A ~ 600A)

ANSI 150 ~ 2500LB RTJ

Stellite · làm cứng thấm nito

Loại · Cấu hình model



DHRO-SH

Lỗ đơn — một lỗ ở tâm tấm dày



DHRO-MH

Nhiều lỗ — nhiều lỗ nhỏ để giảm ồn và rung



DHRO-MS

Hình cắt minh họa để dễ hiểu

Nhiều tầng — các tấm xếp tầng bên trong đoạn ống, hình cắt

Hình DHRO-MS là hình cắt để thể hiện các tấm nhiều tầng bên trong đoạn ống; sản phẩm thực tế là đoạn ống có mặt bích kín.

Hạng mục	DHRO-SH Lỗ đơn (Single Hole)	DHRO-MH Nhiều lỗ (Multi Hole)	DHRO-MS Nhiều tầng (Multi Stage)
Đặc điểm	Tấm lỗ đơn giảm áp	Tấm nhiều lỗ giảm áp (bảng mã đặt hàng: Multi Hole)	Tấm nhiều tầng để giải quyết vấn đề đoạn phục hồi áp suất kéo dài khi dùng tấm lỗ đơn giảm áp
Vật liệu	STS304, STS316, Inconel, Monel, Hastelloy, Teflon	STS304, STS316, Inconel, Monel, Hastelloy, Teflon	STS304, STS316, Inconel, Monel, Hastelloy
Kết nối	Flange 150#, 300#, 600#, 900#, 1500#, 2500#	Flange 150#, 300#, 600#, 900#, 1500#, 2500#	Flange 150#, 300#, 600#, 900#, 1500#, 2500#
Đường ống áp dụng	1/2B ~ 36B (15A ~ 900A) Pipe	1/2B ~ 36B (15A ~ 900A) Pipe	1/2B ~ 36B (15A ~ 900A) Pipe

Thông số kỹ thuật

Hạng mục	Giá trị
Kiểu	Single Hole (DHRO-SH), Multi Hole (DHRO-MH), Multi Stage (DHRO-MS)
Kiểu kết nối (Mounting)	Flange, Union, Butt Weld etc
Cỡ ống danh nghĩa	1/2B ~ 24B (15A ~ 600A)
Tiêu chuẩn tính toán lưu lượng	ISO5167, JIS Z 8762, ASME, KS A 0612
Cấp mặt bích (Flange Rating)	ANSI 150, 300, 600, 900, 1500, 2500LB RTJ Oval Type or Octagonal Type

Hạng mục	Giá trị
Vật liệu	Carbon Steel · 304SS, 304L SS, 316SS, 316L SS · Ni, Cr, Mo Alloy Steel (A182 F11 to 91) · Monel, Hastelloy, Inconel etc
Mã vật liệu (hợp kim đặc biệt)	I5 Inconel 625 · M0 Monel 400 · HC Hastelloy-C276
Làm cứng bề mặt cạnh lỗ	Hàn đắp Stellite hoặc thấm nitơ (Nitriding)
Ứng dụng orifice nhiều tầng	Lưu chất áp suất cao · nhiệt độ cao (bộ hàn nhiều tấm orifice)
Có kèm mặt bích hay không	F: Flange Include / N: Flange Exclude

Tiêu chuẩn áp dụng · ISO 5167 · JIS Z 8762 · ASME · KS A 0612

Yêu cầu lắp đặt

- Chọn kiểu kết nối phù hợp với điều kiện đường ống như kẹp giữa mặt bích, union, hàn giáp mối. Có thể đặt hàng kèm mặt bích (F) hoặc không kèm (N).
 - Khi giảm áp bằng tấm lỗ đơn mà đoạn phục hồi áp suất hạ lưu kéo dài, xem xét kiểu nhiều tầng (DHRO-MS).
- Với lưu chất áp suất cao · nhiệt độ cao hoặc điều kiện có nguy cơ mài mòn, có thể đưa làm cứng bề mặt cạnh lỗ (hàn đắp Stellite · thấm nitơ) vào thông số.

Thông tin đặt hàng (How to Order)

1 Model	
DHRO-SH	Single Hole
DHRO-MH	Multi Hole
DHRO-MS	Multi Stage

2 Type	
F	Flange Include
N	Flange Exclude

3 Nominal Pipe Size	
(size)	Pipe size in inch or mm

4 Material : Plate / Flange	
CS	Carbon Steel
4S	304SS
4L	304L SS
6S	316SS
6L	316L SS
11	A182 F11
22	A182 F22
51	A182 F51
91	A182 F91
I5	Inconel 625
M0	Monel 400
HC	Hastelloy-C276
OP	Option

5 Mounting Connection	
015	ASME(ANSI) Class 150 LB
030	ASME(ANSI) Class 300 LB
060	ASME(ANSI) Class 600 LB
090	ASME(ANSI) Class 900 LB
150	ASME(ANSI) Class 1500 LB
250	ASME(ANSI) Class 2500 LB
000	Option